

# HIỆN TƯỢNG DUNG HỢP THỂ LOẠI TRONG TRUYỆN NGẮN TRUNG ĐẠI

## PHENOMENON OF AMALGAMATED GENRE IN MEDIEVAL SHORT STORIES

Đỗ Thị Nhung

Học viên CH khóa 24, chuyên ngành Văn học Việt Nam, Đại học Đà Nẵng

Email: daquytim.dntb@gmail.com

**Tóm tắt:** Truyện ngắn trung đại là nơi giao lưu, gặp gỡ của nhiều thể loại văn học như thơ, ca, văn tế, chiếu... tạo nên hiện tượng dung hợp về thể loại. Sự đan xen nhiều thể loại trong các trang truyện đã góp phần tích cực vào việc miêu tả và bộc lộ cảm xúc, tâm trạng của các nhân vật một cách phong phú và sâu sắc. Đặc biệt với thể loại thơ còn là phương tiện hữu hiệu giúp nhà văn diễn tả trọn vẹn những điều khó nói trong cuộc sống. Có khi nó còn là cây cầu nối giữa hai thế giới: thực, ảo và giải mã cho các hành động của nhân vật. Có thể nói, mỗi thể loại với những đặc trưng của nó đã góp phần làm sinh động hơn những trang truyện ngắn trung đại, tạo giá trị cho tác phẩm.

**Từ khóa:** dung hợp thể loại; truyện ngắn; trung đại; đan xen; giá trị; sinh động.

### 1. Đặt vấn đề

Lịch sử phát triển của văn học cũng là lịch sử phát triển của thể loại. Các thể loại, dù có những đặc trưng riêng nhưng chúng vẫn thường xuyên gặp gỡ nhau, xâm nhập vào nhau. Ngay cả khi Aristote phân chia văn bản văn học thành tự sự (epic), trữ tình (lyric) và kịch (drama), thì giữa các hình thức đó vẫn có sự giao thoa, vay mượn và thâm thấu lẫn nhau. Đây là một hiện tượng tất yếu trong sự phát triển của văn học. Điều quan trọng để đánh giá chính là kết quả của tác phẩm. Bởi nếu nhà văn sử dụng hỗ trợ nhiều thể loại khác nhau để tạo hiệu quả cho tác phẩm thì đó chính là hiện tượng tích cực trong sáng tạo.

Đối với truyện ngắn trung đại, sự thâm nhập, giao thoa nhiều thể loại trong cùng một thiên truyện được coi là một trong những nét nghệ thuật nổi bật. Có nhiều cách lí giải cho hiện tượng này. Người thì cho rằng, tài hoa của các tác giả thể hiện ở chính những bài thơ, ca, từ, hành... Ta cũng không phủ định sự lí giải này. Bởi vì qua cách sử dụng nhiều thể loại trong mỗi thiên truyện rõ ràng tài năng của họ đã phần nào được thể hiện rõ nét hơn. Có người lại bảo đây là hình thức dung hòa giữa phương thức tự sự và trữ tình. Có lẽ tất cả đều không sai. Bởi với truyền thống ngâm vịnh, yêu thích thơ ca của độc giả Đông Á trung đại, việc xen kẽ các thể loại trong các truyện, và việc người viết thể hiện tài năng của mình là chuyện rất bình thường. Có thể nói quá trình hình thành nên hiện tượng dung hợp thể loại ở truyện ngắn trung đại là nỗ lực của các chủ thể sáng tạo trong quá trình thoát thai biểu mẫu thể loại trung tâm nhằm kiến tạo nên những giá trị thẩm mĩ cho văn bản nghệ thuật. Hơn nữa đây cũng là một phương cách sáng tạo có nhiều ưu thế. Giữa phương thức tự sự và phương thức trữ tình, tác giả đã tìm thấy sự dung hòa, làm cho tác phẩm luôn sinh động, không nhàm chán. Đặc biệt, sự kết hợp đan xen giữa văn xuôi và văn vần không chỉ thể hiện được tài năng, tư

**Abstract:** Medieval short stories are places of exchanges and meeting of many types of literature such as poetry, songs, funeral orations, imperial edicts... to create a phenomenon of an amalgamated genre. The mixture of many kinds of genres in comic pages has positively contributed to the description and expression of the feelings, moods of characters in the profound and deep features. Especially, with the kind of poetry that is still an efficient means to help writers express fully difficult-to-express things in life. Sometimes it is still the bridge between the two worlds: the real and the virtual and decode the character's actions. We can say that each genre with its characteristic has contributed to making the pages of medieval short stories more vivid and creating the value of a literature work.

**Key words:** Amalgamated genres; short story; medieval; mixture; worth; vivid

tưởng của tác giả mà còn có khả năng khai thác nội tâm, tính cách của nhân vật một cách sâu sắc hơn.

### 2. Hiện tượng dung hợp thể loại trong truyện ngắn trung đại

#### 2.1. Biểu hiện của dung hợp thể loại trong truyện ngắn trung đại

Khái niệm *truyện ngắn trung đại* là “một khái niệm tương đối của khoa nghiên cứu văn học hiện đại áp dụng cho thực tế văn học thời trung đại” [1, tr.78]. Nó bao gồm nhiều kiểu tác phẩm ra đời trong khoảng mười thế kỉ (từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX). Thời trung đại chưa hề biết đến khái niệm này. Thay vì dùng một thuật ngữ có tính chất khái quát, người xưa lại có tên gọi riêng cho mỗi tác phẩm (chí, lục, phá, tùy bút, ký, ký sự...). Thêm vào đó, ngay cả các thiên trong cùng một tập truyện cũng không thuần nhất về mặt thể loại. Chẳng hạn 20 thiên trong *Truyền kì mạn lục* của Nguyễn Dữ được chia thành 3 loại: lục (9 thiên), truyện (6 thiên), ký (5 thiên). Hiện tượng này còn khá phổ biến trong nhiều tác phẩm văn xuôi tự sự khác như *Thánh Tông di thảo*, *Truyền kì tân phá*, *Tang thương ngẫu lục*... Tính chất ký trong các sáng tác này chưa rõ, vì vậy để tách ký ra khỏi truyện là một việc làm không đơn giản. Ngoài một số đặc điểm về cốt truyện, nhân vật, thời gian và không gian, đặc biệt là tính hư cấu – yếu tố giúp tách truyện ra khỏi ký thì thái độ của người cầm bút, sự thể hiện cái tôi cá nhân của tác giả cũng là dấu hiệu để phân biệt ký với truyện (như *Thượng kinh ký sự* của Lê Hữu Trác; ký khảo cứu, ký phong cảnh trong *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ). Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp như *Tang thương ngẫu lục*, *Vũ trung tùy bút* hay *Công dư tiếp ký* người ta vẫn quen gọi là truyện bởi tính truyện đậm hơn tính ký. Chúng tôi cũng thống nhất gọi các thiên ký đậm tính truyện trong các tác phẩm thuộc phạm vi khảo sát chính là truyện. Chính sự giao thoa giữa truyện và ký cũng là nét dung hợp giữa tư duy khoa học và tư duy nghệ thuật góp phần tạo hiệu quả

thâm mĩ cho tác phẩm.

Khảo sát 62 truyện trong 9 tập (*Việt điện u linh tập*, *Thiên uyển tập anh ngữ lục*, *Tam Tổ thực lục*, *Lĩnh Nam chích quái lục*, *Nam Ông mộng lục*, *Thánh Tông di thảo*, *Truyện kỳ mạn lục*, *Truyện kỳ tân phá*, *Lan Trì kiến văn lục*) được Nguyễn Đăng Na giới thiệu và tuyển soạn trong cuốn *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại, tập 1*, truyện ngắn chúng tôi thấy có 33/62 truyện có biểu hiện về dung hợp thể loại, chiếm 53,2%. Như vậy, hơn một nửa số truyện đã có sự kết hợp nhiều thể văn khác nhau như thơ, ca, kệ, văn tế, văn chiêu hồn, từ, hành, chiếu, minh, biểu... Trong đó, tần số xuất hiện nhiều nhất phải kể đến thơ (gồm bài thơ, dòng thơ lẻ): 75 lần; sau đó là kệ (22 lần); bài ca (6 lần); văn tế (3 lần); hành (1 lần), văn chiêu hồn (1 lần)... Việc ưu tiên sử dụng hình thức thơ ca trong các sáng tác tự sự là điều dễ hiểu. Bởi lẽ, ngay từ thời xa xưa, thơ dường như đã luôn gắn với chiều sâu tâm hồn, với thể giới nội tâm sâu kín của con người. Thơ tác động đến người đọc “vừa bằng sự nhận thức cuộc sống, vừa bằng khả năng gợi cảm sâu sắc, vừa trực tiếp với những cảm xúc suy nghĩ cụ thể, vừa gián tiếp qua liên tưởng và những tưởng tượng phong phú, vừa theo những mạch cảm nghĩ, vừa bằng sự rung động của ngôn từ giàu nhạc điệu” [2, tr.165]. Bên cạnh đó, nhiều truyện ngắn trung đại còn cuốn hút người đọc bởi lối văn hùng biện, thể hiện một tư duy tranh biện sắc sảo, logic. Ở đó, các nhân vật tranh luận về nhiều vấn đề như chính trị, xã hội, đạo đức... Do cách đặt vấn đề có sức thuyết phục, do lập luận hùng hồn, đối thoại sinh động, lại khéo léo sử dụng yếu tố thần kì nên những truyện này vừa tránh được vẻ khô khan, nặng nề thường thấy ở các bài thuyết lý vừa có sức hấp dẫn của loại văn chính luận hình tượng. Nó thể hiện sự tiếp nối, phát triển truyền thống văn chính luận nghệ thuật dân tộc bên cạnh tên tuổi của Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi...

## 2.2. Ý nghĩa của dung hợp thể loại trong truyện ngắn trung đại

Trước hết, có thể thấy sự đan xen nhiều thể loại khác nhau trong các thiên truyện ngắn trung đại có vai trò quan trọng trong việc thể hiện sâu sắc hơn những suy nghĩ, tâm trạng, nội tâm của nhân vật. Ngọa Vân trong *Chuyện lạ nhà thuyền chài* là một người con dâu hiền lành, một người vợ đảm. Tai họa ập đến thật bất ngờ, đột ngột, nàng đã không tiếc hạnh phúc của bản thân để cứu cả gia đình chồng đề rồi cuối cùng nàng phải chịu sự xa cách với người mình thương yêu nhất. Tất cả những điều đó đã được gói gọn trong những câu hát đầy xót xa trước lúc li biệt:

(...) *Thúc Ngư lang!*

*Trời một phương!*

*Ghi nhớ trong tâm trường:*

*Trước song chẳng quản trăng soi bóng,*

*Nhấn nhủ hoa mai tự chủ trương,*

*Ông xanh, ông xanh, sao phủ phàng!*

[3, tr.186 - 187]

Nàng ra đi mà tâm trạng nặng trĩu nhớ thương. Không biết cầu cứu phương nào, Ngọa Vân chỉ còn biết trách ông

xanh sao quá phủ phàng đã chia lìa gia đình nàng khi tất cả đang được sống trong vui vầy, hạnh phúc. Lời hát chất chứa một nỗi đau vô hạn. Trong truyện *Hai gái thân*, Lê Thánh Tông cũng để cho nhân vật của mình thể hiện nỗi lòng qua những lời hát đầy xúc động. Người nhiều tuổi hát rằng:

(...) *Gió cuốn không thể nhờ*

*Cánh bay không thể cậy*

*Mối giận Kim Lân dốc sông ngòi*

*Đêm ngày tóc bạc lo ngay ngáy*

*Ngựa không vậy! Ngựa không vậy!*

[3, tr.204]

Cô gái trẻ hát:

*Đông Ngư! Đông Ngư!*

*Đã trải ba thu*

*Ba thu chữ “độc” nặng cầm thù*

*Núi có cây dâu, thiếp có hiền phu*

*Thế nào ru? Thế nào ru?...*

[3, tr.204]

Những lời hát thật ngắn gọn nhưng lại có sức dung chứa bao niềm đau thương, mất mát của hai người phụ nữ. Người nhiều tuổi xót xa vì mất đứa con trai. Đề báo thù cho cha, đứa con thân yêu ấy đã phải đi qua “giáp hoa gần nửa”, tức là gần ba mươi năm trời mà vẫn không về. Còn người phụ nữ ít tuổi cũng buồn thương không kém với cảnh xa cách chồng. Mong muốn trả thù cho mẹ, chàng đã đầu quân vào nghĩa quân Lam Sơn hẹn ba năm sau trở về nhưng tới nay đã hai mươi tư năm mà người thì vẫn bật vô âm tín. Một sự chờ đợi, ngóng trông đến mòn mỏi, hi vọng rồi lại thất vọng theo năm tháng khiến người đọc không tránh khỏi bồi ngùi, xúc động.

Hỗ trợ đắc lực trong việc thể hiện nội tâm nhân vật, văn tế cũng là một trong các thể loại được nhiều tác giả sử dụng. Thời cổ xưa, nó được dùng để tế trời đất, núi sông còn gọi là kỳ văn hay chúc văn. Về sau, văn tế là bài văn dùng để tế người chết nên thường nhuộm màu sắc bi thương. Đây là đoạn văn tế nói lên sự xót thương và hối hận của Trọng Quý trước oan hồn Nhị Khanh:

(...) *Nàng đáng thương thay!*

*Nói năng gì nữa?*

*Đã đến nỗi này!*

*Hoa bay trước viện,*

*Quế rụng giữa trời!*

*Phù dung ủ rù,*

*Dương liễu tà tơi...*

[3, tr.248 - 249]

Qua bài văn tế, Nguyễn Dữ đã cho ta thấy nỗi bi kịch, bất hạnh của cuộc đời Nhị Khanh. Một người phụ nữ xinh đẹp, hiền lành, “nhã đạm”, lấy chồng chưa được bao lâu thì chiến tranh loạn li, chồng phải cùng cha đi trấn thủ nơi xa. Sáu năm chờ đợi, không nhận được tin tức của chồng, nàng vẫn một lòng chung thủy. Ngày Trọng Quý trở về ngỡ tưởng hạnh phúc sẽ đến với Nhị Khanh thì hóa ra lại là lúc người phụ nữ ấy phải đứng trước vực thẳm của bi thương. “Ta sao bạc quá!” – Trọng Quý tự nhận mình là người chồng phụ bạc khi đã lỡ tâm gán vợ cho kẻ khác.

Nhưng tới lúc nhận ra thì cũng đã quá muộn “Phong cảnh còn đây/ Người đã xa chơi”. Nếu như Vũ Nương (*Chuyện người con gái Nam Xương*) tìm đến cái chết để bảo vệ phẩm giá của mình thì Nhị Khanh cũng tìm tới cái chết để bảo vệ sự chuyên chính, tiết liệt. Nỗi đau thương mất mát ấy ta còn bắt gặp qua các bài văn tế của chàng Hà Nhân khóc thương hai nàng Đào, Liễu (truyện *Cuộc kì ngộ ở Trại Tây*) hay của người vợ xót xa trước sự ra đi mãi mãi của đức lang quân (truyện *Người liệt nữ ở An Ấp*). Nhìn chung, nội dung của mỗi bài văn tế thường xoay quanh hai chủ đề chính: kể về cuộc đời, tính cách, công tích của người quá cố trên tinh thần ngợi ca và bộc lộ tình cảm tiếc nuối, xót thương của người sống trong giờ phút vĩnh biệt. Sử dụng thể loại này xen lẫn trong các trang văn tự sự, tác giả truyện ngắn trung đại đã diễn tả hết sức xúc động, sâu sắc nỗi đau xót vô hạn của nhân vật trước cái chết của người vợ, người tình, hay người chồng thân yêu. Cuộc sống của mỗi người luôn phải nếm trải bao nỗi đau đớn, khổ cực, nhưng khi phải chứng kiến người thân của mình ra đi vĩnh viễn thì đó thực sự là một mất mát không dễ gì có thể bù đắp và khó có thể nguôi ngoai. Để diễn tả được nỗi niềm này, văn tế đã chứng tỏ vai trò đặc lực của mình.

Sự dung hợp thể loại trong truyện ngắn trung đại không chỉ có vai trò bộc lộ sâu sắc những suy nghĩ, nội tâm của nhân vật mà còn giúp nhà văn nói lên được những điều khó nói trong cuộc sống, đặc biệt là trong truyện chẵn gối. Chịu ảnh hưởng của tư tưởng khắc kỷ phục lễ của Nho gia, văn học trung đại rất ít đề cập đến tình yêu nam nữ, nếu có thì đều nằm trong khuôn khổ của đạo đức Nho giáo. Tuy nhiên, ở truyện ngắn trung đại lại có nhiều tác phẩm viết về những mối tình vượt ra ngoài lễ giáo phong kiến. Trong *Truyện kì mạn lục*, Nguyễn Dữ đã không ngần ngại miêu tả tình yêu với tất cả sự mê đắm, ông lật tung những giá trị đạo đức để cho các nhân vật được sống với con người thật của chính mình. Chuyện tình trong *Chuyện kì ngộ ở Trại Tây* nhà văn đã miêu tả cảnh tự do luyến ái giữa Hà Nhân với Liễu Nhu và Đào Hồng. Tình cảm ấy không chỉ là sự say mê giữa tài tử với giai nhân mà còn là sự thách thức với xã hội khi tình dục được thăng hoa trong cảm xúc văn chương, thành những bài thơ miêu tả cảnh ái ân táo bạo:

Mồ hôi đầm đáp áo là,  
Mây xanh đôi nét tà tà như châu.  
Gió xuân vin nhẹ nhàng nhau,  
Thân non mềm chịu được đau phũ phàng.

[3, tr.216]

Nhân vật Đào Hàn Than trong chuyện *Nghiệp oan của Đào thị* cũng được Nguyễn Dữ diễn tả trong niềm vui hoan lạc khi làm thơ cùng với Vô Kỳ ở chùa Lệ Kỳ. Những bài thơ như thể được hai người sáng tác khá nhiều như: *Mưa núi, Mây núi, Gió núi, Trăng núi, Chùa núi, Tiều động trong núi, Vượn núi, Chìm núi, Hoa núi, Lá núi*... Đọc những bài thơ vịnh cảnh này, ta như hiểu thêm thế giới tâm hồn đa tình, đa cảm với khát vọng tình yêu của các nhân vật.

Có thể nói, trong nhiều tác phẩm Nguyễn Dữ đã miêu tả một cách khá sinh động, chân thực chuyện tình cảm ái ân của các nhân vật. Để đạt tới cái đích đó, ông đã dùng

một phương thức hữu hiệu, vừa “đặc tả” được chuyện kín, vừa giữ được cái phong thái “tạo nhã” của văn nhân. Đó là việc sử dụng hình thức thơ ca. Ngôn ngữ thơ với tính ước lệ, tượng trưng đã thanh lọc được những cái thô nhám đời thường, biến chuyện phòng kín thành cái đẹp mang ý nghĩa xã hội – thâm mĩ mà người đọc vẫn cảm nhận được khát khao của các nhân vật một cách chẩy bóng và kín đáo.

Không chỉ dừng lại ở đó, trong nhiều truyện ngắn trung đại sự xuất hiện phương thức trữ tình bên cạnh phương thức tự sự còn có vai trò kết nối, là tín hiệu cho sự xuất hiện của hàng loạt các yếu tố kì ảo. Truyện *Chồng dê* viết về một người con gái hiếu thảo, hiền thực, có người yêu là tinh vật, ban ngày là dê, ban đêm là người. Tuy nhiên, những tháng ngày hạnh phúc chưa được dài họ đã sớm phải chia xa. Bởi theo mệnh lệnh của Ngọc Hoàng, người chồng phải trở về thiên đình. Trong giây phút sắp phải ly biệt, họ đau đớn mà rằng:

Hỡi chàng tiên lại đánh xe,  
Nội hoa, chàng đội lốt dê lạc đường.  
Tầng mây kia hắt què chàng,  
Mây tuôn mờ mịt lòng càng nhớ thương.  
Hãy về từ tạ Ngọc Hoàng,  
Tình xưa nghĩa cũ dở dang sao đành.

[3, tr.192]

Mỗi khi người vợ đọc ba lần bài thơ này thì người chồng sẽ lại xuất hiện. Rõ ràng, bài thơ đã đóng vai trò như một lời dặn, một sợi dây liên lạc giữa cõi trần với cõi tiên, chất chứa bao tình cảm sâu nặng, đầm thắm không nở xa rời. Hay như ở truyện *Từ Thức lấy vợ tiên* (*Truyện kỳ mạn lục*) bài thơ của Từ Thức lại đưa chàng bước vào một thế giới huyền bí mà trước nay chưa bao giờ thấy:

Triều dương bóng rải khắp ngày xanh,  
Hoa cỏ cười tươi đón rước mình,  
Hải thuốc nào đâu sư kê suối?  
Tìm nguồn duy có khách bên ghềnh!  
Lang thang đất lạ đàn ba khúc,  
Nên nổi thuyền câu rượu một bình.  
Bến Vũ chàng ngư, tìm thử hỏi,  
Thôn Đào chi họ, lối loanh quanh.

[3, tr.252]

Sau khi Từ Thức đề xong bài thơ, bỗng ở trên vách đá toác nứt ra một cái hang, hình tròn và rộng. Bước vào thì thấy có đường đi ngoi lên. Leo lên ngọn núi thì thấy bầu trời sáng sủa, chung quanh toàn là những lầu đài nguy nga. Như vậy, có thể thấy bài thơ của Từ Thức tựa như một câu thần chú trong truyện cổ tích. Nếu chàng Ali Baba trong truyện cổ Ba Tư chỉ với hai câu thần chú: “Vùng ơi! Mở ra” và “Vùng ơi! Đóng lại” là có thể ra vào chiếc hang bí mật chứa đầy vàng bạc của bọn cướp thì giờ đây, ở Từ Thức, chỉ với một bài thơ là có thể bước vào núi Phù Lai – động tiên thứ sáu trong ba mươi sáu động và lấy được vợ tiên, được sống một cuộc sống đủ đầy và đặc biệt là được “trường sinh bất lão”. Như vậy, sự dung hợp thể loại ở đây đã góp phần xác lập vai trò tạo

nghĩa cho cái kì. Những bài thơ, bài phú được đặt trong bối cảnh xuất hiện cái kỳ không chỉ làm nó trở nên huyền thoại, lung linh hơn mà còn giúp nó gần hơn với thực tại, gây sự tò mò, cuốn hút người đọc.

### 3. Kết luận

Hiện tượng dung hợp thể loại đã trở thành một trong những đặc điểm nghệ thuật quan trọng của truyện ngắn trung đại. Nét nghệ thuật này không hề làm mờ đi tính tự sự trong các trang truyện mà ngược lại chính sự xuất hiện của các thể loại khác nhau như thơ ca, văn tế, văn chiêu hồn, minh, chiếu, biểu... đã góp phần trừu tượng hóa các yếu tố tự sự để hướng tới thể hiện tinh thần nhận thức của chủ thể đối với thế giới. Có thể nói, các thể văn đã tham gia tích cực vào việc miêu tả và bộc lộ cảm xúc, tâm trạng của nhân vật tinh tế hơn, hoàn chỉnh hơn, phản ánh chân thực những điều trần tục mà lại không hề thô tục, đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của người đọc. Đôi khi nó vừa là cầu nối, vừa giải mã cho các hành động tiếp theo của nhân vật. Qua đó phần nào nói lên được tư tưởng của tác giả, thể hiện được tài năng, tri thức uyên bác, mẫn tiệp của nhiều cây bút truyện ngắn thời kỳ này. Một phần lớn nhờ

vào những kinh nghiệm sáng tác nghệ thuật quý báu ấy mà khi bước vào thời kì hiện đại, văn xuôi tự sự Việt Nam nói chung, truyện ngắn nói riêng trong một thời gian ngắn đã theo kịp và hòa nhập với nhiều nước tiên tiến trên thế giới và đạt nhiều thành tựu nổi bật.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Cự Đệ (chủ biên), *Truyện ngắn Việt Nam: Lịch sử - Thi pháp - Chân dung*, Nxb Giáo dục, H, 2007.
- [2] Hà Minh Đức (chủ biên), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, H, 2007.
- [3] Nguyễn Đăng Na (giới thiệu và tuyển soạn), *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại, tập 1, truyện ngắn*, Nxb Giáo dục, H, 1999.
- [4] Nguyễn Đăng Na, *Đặc điểm văn học Việt Nam trung đại - những vấn đề văn xuôi tự sự*, Nxb Giáo dục, H, 2003.
- [5] Nguyễn Phong Nam, "Nghệ thuật trần thuật trong truyện truyền kì Việt Nam, *Tạp chí Khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng*, số 7 (48), 2011, từ trang 185 đến trang 196.
- [6] Vũ Thị Phương Thanh, *Thành Tông di thảo nhìn từ truyền thống truyện dân gian Việt Nam và từ đặc điểm truyện truyền kỳ*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ Văn - trường Đại học Vinh, 2009.

(BBT nhận bài: 08/10/2013, phản biện xong: 05/11/2013)